

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 967 /NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 16 tháng 05 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa cho gói
thầu GT2024-200-BS 25 “Mua sắm VTTT
phần Cơ nhiệt (Bơm)”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm cho gói thầu GT2024-200-BS 25 “Mua sắm VTTT phần Cơ nhiệt (Bơm)”, NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:

- Danh mục hàng hóa: Như phụ lục đính kèm.
- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây.

- Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO, CQ/các tài liệu liên quan khác

2. Tiến độ cung cấp hàng hóa: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ tốt nhất để Nhà máy xem xét.

3. Địa điểm giao hàng: tại kho, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.

4. Hiệu lực báo giá: 120 ngày kể từ ngày chào giá.

5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 30/05/2025.

6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: dungnt5@pvpqb.vn; haipdm@pvpqb.vn; khoitm@pvpqb.vn;
hanhbx@pvpqb.vn; nhanbaogia.hn@pvpqb.vn

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc NMĐ (để b/c);
- Phòng/PX: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (N.T.D).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

Phụ lục 1: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Công văn số 967 /NMĐSH1-KTATMT, ngày 16 / 05 / 2025)

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/ Vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị
1	Auxilaries Cooling Water Pump	Type: NDV700C	Shin Shin Machinery				
1.1	Ball bearing	Type: 6318 (Koyo)		Châu Âu/G7/ OECD	Part No. 321.1	1	PC
1.2	Gasket	Oil paper		Châu Âu/G7/ OECD	Part No. 400.1	1	PC
1.3	Mechanical Seal	Catridge type		Châu Âu/G7/ OECD	Part No. 433.1	1	Set
2	Closed Cooling Water Pump	Type: NDV500C1	Shin Shin Machinery				
2.1	Ball bearing	Type: 6318		Châu Âu/G7/ OECD	Part No. 321.1	1	PC
2.2	Gasket	Oil paper		Châu Âu/G7/ OECD	Part No. 400.1	1	PC
2.3	Mechanical Seal	Catridge type		Châu Âu/G7/ OECD	Part No. 433.1	1	PC
3	HP Bypass Hydraulic Control Fluid						
3.1	Flexible jaw coupling	Spidex R 24 Material: NBR	Spidex, Germany	Châu Âu/G7/ OECD		2	PC
4	LP Bypass Hydraulic Control Fluid						
4.1	Flexible jaw coupling	Spidex R 28 Material: NBR	Spidex, Germany	Châu Âu/G7/ OECD		1	PC

5	Lube & Hydraulic Oil for BFPT System						
5.1	Flexible jaw coupling Recirculation Pumps	Spidex R 24/32 Material: NBR	Spidex	Châu Âu/G7/ OECD		1	PC
5.2	BFPT Main and Auxiliary Oil Pump	Product name: MTR 64-8/8-2 Model: B99214431P31709 BFPT Main & Auxiliary Oil Pump Mounting type: Vertical Actual calculated flow: 40 m ³ /h Resulting head of the pump: 16.08 bar Number of Impellers: 8 Number of Stages: 8 Primary shaft seal: HUUUV Pump version: A Model: B	Grundfoss	Châu Âu/G7/ OECD		1	Set
6	Coarse ASH Slurry pumps	Model No.: LTS A 80 x 50H/ Horizontal centrifugal one stage, back pull out type Flow rate: 35 m3/h Total head: 32 m Total head: 32 m Pump speed: 1450 rpm Drive type: V - belt	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING				
6.1	OIL SEAL		SKF	Châu Âu/G7/ OECD	No.: 30	2	PC
6.2	SHAFT SLEEVE	material: STAILNESS STEEL Standard: ASTM CA-40 HARD SURFACE	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING		No.: 37	2	PC

7	Recycle Water pumps	Model: 250x200 HPF; Horizontal Split Casing Capacity: 420 m3/hr; head 20 mwc; Speed 1450rpm;	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING				
7.1	Packing sleeve	Material: Stailness steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING		No.: 12	2	PC
7.2	Sleeve	Material: Stailness steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING		No.: 13	2	PC
7.3	Wearing	Material: Gray cast iron Standard: ASTM A48 Class 30	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING		No.: 14	2	PC
7.4	Casing gasket	Material: Ferolite NAM30	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING		No.: 50	1	PC
7.5	Deflector	Material: Rubber	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING		No.: 10	2	PC
8	HP water pumps - Bơm nước cao áp	200 LCH 500x2 / Horizontal Split Casing Capacity: 450 m3/hr; head 100 mwc; Speed 1450rpm;	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING				
8.1	Wear ring No.1	Material: Cast iron Standard: ASTM A48-CL30	HAI DUONG PUMP		No.: 27	2	PC
8.2	Wear ring No.2	Material: Cast iron Standard: ASTM A48-CL30	HAI DUONG PUMP		No.: 29	1	PC

8.3	Sleeve	Material: Cacbon steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP		No.: 33	2	PC
8.4	Shaft sleeve	Material: Cacbon steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP		No.: 35	2	PC
9	LP water pumps - Bơm nước hạ áp	250x200 HPF/ Horizontal Split Casing Capacity: 495 m3/hr; head 18 mwc; Speed 1450rpm;	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING				
9.1	PACKING SLEEVE	Material: Stailness steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP		No.: 12	2	PC
9.2	SLEEVE	Material: Stailness steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP		No.: 13	2	PC
9.3	WEAR RING	Material: Gray cast iron Standard: ASTM A48 Class 30	HAI DUONG PUMP		No.: 14	2	PC
9.4	PACKING RECIRCULATION LINES	Hydraulic hose pipe Standard: DIN EN853 -1SN	HAI DUONG PUMP		No.: 17	2	PC
9.5	CASING GASKET	Material: Ferolite NAM30	HAI DUONG PUMP		No.: 50	1	PC
10	Seal water pumps	Model: 40LTC 130X3; Type: Multi Stage Capacity: 8m3/hr; Head: 60 mwc; Speed: 2900rpm	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING				
10.1	Front wear ring	Material: Bronze Standard: ASTM B505/JIS5120	HAI DUONG PUMP		No.: 5	3	PC
10.2	Behind wear ring	Material: Bronze Standard: ASTM B505/JIS5120	HAI DUONG PUMP		No.: 7	2	PC

10.3	Ball bearing		SKF	Châu Âu/G7/ OECD	No.: 18	1	PC
10.4	Ball bearing		SKF	Châu Âu/G7/ OECD	No.: 41	1	PC
11	ASH Slurry pumps	Model: LTSB 250x200H Horizontal centrifugal, back pull out type Flow rate 450 m³/h, Total head 49m, Speed 850 rpm, Efficiency 69%, NPSHR: 2,5	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING				
11.1	SHAFT SLEEVE	Material: Stailness steel	HAI DUONG PUMP		No.: 14	1	PC
11.2	O - Ring Ø10 x Ø484	Ø10 x Ø484 mm Material: rubber	HAI DUONG PUMP		No.: 33	1	PC
11.3	Gasket Ø703 x Ø753	Ø703 x Ø753 mm Material: rubber	HAI DUONG PUMP		No.: 36	1	PC
12	HP water pump	Model: Aggregat P62/140- 150 'Q = 120l/h P = 150 bar P= 37,5 kw n = 690 v/p	SPECK- TRIPLEX- PUMPEN				
12.1	Radial Shaft Seal	Code No: 06.0722		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 15	2	PC
12.2	Taper Roller Bearing	Code No: 05.0127		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 20	2	PC
12.3	Radial Shaft Seal	Code No: 06.0826		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 32	3	PC
12.4	Seal Adaptor	Code No: 07.2002		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 33	3	PC
12.5	O-Ring for 33	Code No:06.0800		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 33A	3	PC

12.6	Plunger Pipe (P62/140-150)	Code No: 11.0428			Item No: 37	3	PC
12.7	Seal Case	Code No: 07.3108		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 41	3	PC
12.8	O-Ring for 41	Code No: 06.0800		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 41A	3	PC
12.9	O-Ring for 41	Code No: 06.0221		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 41C	3	PC
12.10	Tension Spring	Code No: 07.3105		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 42	3	PC
12.11	Support Ring (P62/140-150)	Code No: 07.2654		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 43	3	PC
12.12	Sleeve (P62/140-150)	Code No: 06.0824		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 44	3	PC
12.13	Pressure Ring (P62/140-150)	Code No: 07.2382		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 44A	3	PC
12.14	Grooved Ring (P62/140-150)	Code No: 06.1211		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 45	3	PC
12.15	Spacer Disc (P62/140-150)	Code No: 07.3219		Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 45A	3	PC
12.16	Valve Assy (51A-E)	Code No: 00.6776		Châu Âu/G7/ OECD Châu Âu/G7/ OECD	Item No: 51	3	SET
13	Vaccum Belt filter	Model: HVBF-24					
13.1	Molla ad aria WEFORMA WBZ 320 G3/4	NUMERO PARTE: 1.100.705	TECNIPLANT	Châu Âu/G7/ OECD	Draw no: 7.100.092 Elemento: 11	1	PC
13.2	Dây đai chèn buồng chân không (Vaccum Belt filter)	Loại dây: SBR - 630/3 Vật liệu: SBR Chu vi: 27.420 mm Bề rộng 38mm Độ dày 10mm		Châu Âu/G7/ OECD		4	PC

14	DO FORWARDING PUMP	Type: L4MG-164/062-AHOKRA-G Capacity: 54 m3/h; Speed: 1485 rpm Discharge pressure: 24.08 barG Suction pressure: -0.22 barG	Leistritz				
14.1	O-ring			Châu Âu/G7/OECD	Pos. 015	4	PC
14.2	O-ring			Châu Âu/G7/OECD	Pos. 031	2	PC
14.3	mechanical seal	Type: 48-LP	JOHN CRANE	Châu Âu/G7/OECD	Pos. 062	4	PC
14.4	O-ring			Châu Âu/G7/OECD	Pos. 099	2	PC
14.5	shaft sealing ring			Châu Âu/G7/OECD	Pos. 116	2	PC
14.6	O-ring			Châu Âu/G7/OECD	Pos. 128	2	PC
14.7	O-ring			Châu Âu/G7/OECD	Pos. 133	2	PC
14.8	O-ring			Châu Âu/G7/OECD	Pos. 715	4	PC
14.9	O-ring			Châu Âu/G7/OECD	Pos. 717	4	PC
15	Demineralized Water Storage and Transfer System						
15.1	Flexible couplings	Flexible for couplings: Max Dynamic No. D-10HT	Max Dynamic	Châu Âu/G7/OECD		1	SET
16	Waste Water treatment for FGD						

16.1	Flexible couplings	-Quadra-Flex® Sleeves for coupling: -Type: JEM -Coupling size: 6	Martin	Châu Âu/G7/ OECD		2	PC
------	--------------------	--	--------	---------------------	--	---	----